

Điểm chuẩn Học Viện Quân Y - Hệ Quân sự năm 2018

Học viện Quân y, hay Đại học Y - Dược Lê Hữu Trác là một trường đại học trọng điểm quốc gia Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, là đại học nghiên cứu và đào tạo bác sĩ, dược sĩ, y sĩ trình độ từ trung cấp, đại học, sau đại học cho quân đội và dân sự của Việt Nam. Trường được thành lập ngày 10 tháng 3 năm 1949.

Trụ sở chính: Số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội: Đào tạo bác sĩ đa khoa, dược sĩ, bác sĩ chuyên khoa các bậc đại học, sau đại học cho quân đội và dân sự.

Trường Trung học Quân y 1: thị xã Sơn Tây, Hà Nội: Đào tạo y sĩ, y tá, điều dưỡng, dược sĩ trình độ trung học chuyên nghiệp.

Trung tâm đào tạo và nghiên cứu y dược học phía Nam: Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm chuẩn Học Viện Quân Y - Hệ Quân sự các ngành năm 2018:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-hoc-vien-quan-y-he-quan-su>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Chi tiết điểm chuẩn năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7720101	Y khoa (với thí sinh nam miền Bắc)	A00	29	Thí sinh mức 29,00 điểm: Tiêu chí phụ 1: Điểm môn Toán $\geq 9,60$. Tiêu chí phụ 2: Điểm môn Lý $\geq 9,00$. Tiêu chí phụ 3: Điểm môn Hóa $\geq 9,50$.
2	7720101	Y khoa (với thí sinh nam miền Nam)	A00	27,25	Thí sinh mức 27,25 điểm: Tiêu chí phụ 1: Điểm môn Toán $\geq 8,80$. Tiêu chí phụ 2: Điểm môn Lý $\geq 8,75$.
3	7720101	Y khoa (với thí sinh nữ miền Bắc)	A00	29,5	
4	7720101	Y khoa (với thí sinh nữ miền Nam)	A00	30	
5	7720101	Y khoa (với thí sinh nam miền Bắc)	B00	27,75	Thí sinh mức 27,75 điểm: Điểm môn Sinh $\geq 9,50$.
6	7720101	Y khoa (với thí sinh nam miền Bắc)	B00	27	Thí sinh mức 27,00 điểm: Điểm môn Sinh $\geq 9,00$.

		sinh nam miền Nam)			
7	7720101	Y khoa (với thí sinh nữ miền Bắc)	B00	30	
8	7720101	Y khoa (với thí sinh nữ miền Nam)	B00	29	Thí sinh mức 29,00 điểm: Điểm môn Sinh $\geq 9,00$.

Điểm chuẩn chính thức năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7720101	Bác sĩ đa khoa nữ miền Nam	B00	27.5	
2	7720101	Bác sĩ đa khoa nam miền Nam	B00	24.5	
3	7720101	Bác sĩ đa khoa nữ miền Nam	A00	25.5	
4	7720101	Bác sĩ đa khoa nam miền Nam	A00	21.25	
5	7720101	Bác sĩ đa khoa nữ miền Bắc	B00	28.25	
6	7720101	Bác sĩ đa khoa nam miền Bắc	B00	26	
7	7720101	Bác sĩ đa khoa nữ miền Bắc	A00	28.75	
8	7720101	Bác sĩ đa khoa nam miền Bắc	A00	26.5	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018:

Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
Các ngành đào tạo đại học quân sự			260
* Ngành Bác sĩ đa khoa	7720101	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
- Thí sinh có HK thường trú phía Bắc			182
Xét tuyển thí sinh Nam tổ hợp B00			111
Xét tuyển thí sinh Nam tổ hợp A00			37
Xét tuyển thí sinh Nữ tổ hợp B00			11
Xét tuyển thí sinh Nữ tổ hợp A00			3
Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nam			16
Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nữ			4
- Thí sinh có HK thường trú phía Nam			78
Xét tuyển thí sinh Nam tổ hợp B00			47
Xét tuyển thí sinh Nam tổ hợp A00			16
Xét tuyển thí sinh Nữ tổ hợp B00			5
Xét tuyển thí sinh Nữ tổ hợp A00			1
Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nam			7
Tuyển thẳng HSG và UTXT - Thí sinh Nữ			2

